TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 22-01-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Minh Tuấn
Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 404/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thành M - sinh năm: 1995. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.
- *Bị đơn*: Anh Lê Chí T - sinh năm: 1997. Có mặt
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm: 1977 . Có mặt
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
-*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D - sinh năm: 1977. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Nguyễn Thành M trình bày:

Nguyên vào ngày 28 tháng 10 năm 2021, anh M có trực tiếp cho anh Lê Chí T vay số tiền gốc 250.000.000 đồng, tại thời điểm vay lãi suất 5%/01 tháng, thời hạn vay là 03 tháng, anh T nói vay để gia đình mua đất, thống nhất trả lãi hàng tháng. Thực tế số tiền này anh cũng đi vay mượn của người khác, anh phải đóng lãi rất nhiều. Quá trình vay vốn thì tháng đầu anh T có đóng lãi cho anh 01 lần được số tiền là 22.500.000 đồng, tiếp theo anh T có đóng lãi 7.500.000 đồng và đến khi khởi kiện tại Tòa án, ngày 16/11/2023 anh T có chuyển khoản trả anh số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền anh T đã trả thì anh M đồng ý khấu trừ tiền lãi cho anh T. Việc anh M cho anh T vay tiền thì anh M có gọi điện thông báo cho bà H biết, bà H cũng không có ý kiến phản đối.

Nay anh M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T và bà H phải liên đới trả số tiền là vay gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm, năm mươi triệu đồng*), tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật tính kể từ ngày 28/11/2021 cho đến ngày xét xử. Trường hợp anh T và bà H đồng ý thanh toán số tiền vay trong thời hạn 02 tháng thì anh M sẽ không tính lãi, chỉ nhận gốc và lãi tổng cộng là 265.000.000 đồng.

- Bị đơn – anh Lê Chí T trình bày: Vào ngày 28 tháng 10 năm 2021, anh có trực tiếp vay của anh M số tiền gốc 250.000.000 đồng. Khi vay thì có nói lấy tiền để gia đình chuộc lại đất. Tuy nhiên sau đó anh lấy số tiền vay này để làm ăn và đầu tư thất bại nên mất khả năng chi trả. Quá trình vay thì anh có đóng lãi cho anh M 02 tháng đầu là 14.000.000 đồng, sau đó trả thêm 22.500.000 đồng, 10.000.000 đồng và lần sau cùng là chuyển khoản 1.000.000 đồng, các lần anh trả lãi cho anh M đều thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản. Nay anh M khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật thì anh thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ. Tuy nhiên hiện hoàn cảnh của anh rất khó khăn, hiện đã nghỉ việc, phải đi làm thuê, gia đình mất khả năng thanh toán nên yêu cầu anh M khấu trừ số nợ lãi anh đã trả, số tiền gốc và lãi còn lại anh T xin trả dần số nợ trên, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà H trình bày: Bà H xác định lời trình bày của ông M về quá trình vay vốn là đúng. Đối với việc con bà là T vay vốn làm ăn thất bại thì bà cũng biết. Nay bà thừa nhận nợ ông M số tiền gốc là

250.000.000 đồng, do điều kiện hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn, không thể thanh toán 01 lần được. Nay bà H yêu cầu ông M xem xét cho bà và anh T trả dần, mỗi tháng trả dần 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng xét thấy căn cứ vào hợp đồng vay vốn, quá trình giải quyết vụ án và chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở xác định anh T nợ anh M số tiền 250.000.000 đồng là sự thật. Bà H cũng thừa nhận và đồng ý cùng anh T chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho anh M. Xét thấy anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay do đó anh M khởi kiện yêu cầu anh T phải trả nợ là có căn cứ để chấp nhận. Các bên đương sự đều thống nhất khấu trừ số tiền lãi anh T đã đóng cho anh M tổng cộng là 47.500.000 đồng. Do đó đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 288, Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc anh T và bà H phải trả cho anh M số tiền vay gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 28/10/2021 cho đến ngày xét xử, khấu trừ số tiền lãi đã trả.

Về án phí, buộc anh T và bà H phải chịu án phí dân sự giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh M khởi kiện yêu cầu anh T phải trả số tiền vay còn thiếu nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án thì anh T, bà H có ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D, nhưng tại phiên tòa, anh T và bà H xác định sẽ tự trình bày, chấm dứt hợp đồng ủy

quyền với ông D do đó Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, anh M yêu cầu anh T phải trả số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng theo "HỢP ĐỒNG VAY TIỀN" ngày 28/10/2021. Theo giấy cam kết trả nợ ngày 28/6/2022, 05/01/2023, Biên bản ngày 13/01/2023 của Ban lãnh đạo ấp T, xã T, kết quả xác minh đối với nhân chứng là anh Nguyễn Ngọc P và quá trình giải quyết vụ án, anh T và bà H đều thừa nhận sự việc có vay tiền của anh M nên có căn cứ xác định anh T vay anh M số tiền gốc 250.000.000 đồng là sự thật. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng vay tài sản trên được hai bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, bảo đảm về mặt nội dung và hình thức nên căn cứ Điều 117, Điều 119 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng là sự thật và công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng, hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 tháng nên đây là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, anh M đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu anh T trả nợ nhưng anh T vẫn không thực hiện. Do đó, anh M khởi kiện yêu cầu anh T phải trả nợ gốc là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]Xét yêu cầu tính lãi của anh M:

Theo hợp đồng các bên thỏa thuận mức lãi suất 5%/01 tháng là vượt mức quy định của pháp luật nên không có hiệu lực. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự cùng thống nhất xác định số tiền anh T đã đóng cho anh M là 47.500.000 đồng, anh M đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền lãi, các bên đương sự đều không tranh chấp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo đơn khởi kiện anh M yêu cầu anh T và bà H trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật tính kể từ ngày 28/11/2021 cho đến ngày xét xử là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: 02 năm 01 tháng 25 ngày x 250.000000 đồng x 20%/năm là: 107.641.000 đồng. Khấu trừ số tiền lãi anh T đã trả là 47.500.000 đồng, anh T phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi còn lại là 60.141.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H là mẹ của anh T đồng ý cam kết nghĩa vụ trả nợ cùng với anh T, do đó căn cứ Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc trách nhiệm trả nợ liên đới đối với bà H.

Từ những phân tích trên, áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 288, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc anh Lê Chí T và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho anh Nguyễn Thành M số tiền vay gốc 250.000.000 đồng và lãi là 64.141.000 Đồng.

Do các đương sự không thỏa thuận được thời gian và cách thức thanh toán nên sẽ được xem xét khi thi hành án.

Ngoài ra, để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày anh M có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, nếu anh T và bà H không trả đủ tiền thì anh chị còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Yêu cầu khởi kiện của anh M được Tòa án chấp nhận nên anh M không phải chịu án phí. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh M là 8.233.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008341 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh T và bà H phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền phải trả, cụ thể là: 310.141.000 đồng x 5% = 15.507.000 đồng.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 11, Điều 117, Điều 119 và Điều 385, Điều 288, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470, khoản 1, 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành M đối với anh anh Lê Chí T và bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu trả nợ gốc là 250.000.000 đồng và trả lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 28/10/2021 cho đến ngày xét xử.

2. Buộc anh Lê Chí T và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả Nguyễn Thành M cho số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 60.141.000 đồng, tổng cộng là 310.141.000 đồng (*Ba trăm mười triệu, một trăm, bốn mươi mốt nghìn đồng*).

Kể từ ngày anh M có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, nếu anh T và bà H không trả đủ tiền thì anh chị còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh M là 8.233.000 đồng *(Tám triệu, hai trăm, ba mươi ba nghìn)* theo biên lai thu tiền số 0008341 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh T và bà H phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền phải trả, cụ thể là: 310.141.000 đồng x 5% = 15.507.000 đồng *(Mười lăm triệu, năm trăm, lẽ bảy nghìn đồng*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 22/01/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An